TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 16 - 3 - 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Nguyễn Thị Vòng.
Ông: Nguyễn Văn Phương
- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 16/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25/01/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-KDTM ngày 02/02/2018, Thông báo số 01/TBHPT-TA ngày 02/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H. Địa chỉ: TDP P, phường B, TP. Đ, Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn D - Giám đốc Công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH XDTH H: Luật sư Lê D - Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư Quảng Bình. Địa chỉ: Số x đường B, phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N. Địa chỉ: Thôn H, xã B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, bản tự khai ngày 13/11/2017, các biên bản hoà giải không thành, người đại diện theo pháp luật và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H trình bày:

Ngày 10/6/2013, Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N (bên A giao thầu, sau đây viết tắt là Công ty N) do ông Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty đại diện

và Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H (bên B nhận thầu, sau đây viết tắt là Công ty H) do ông Hà Văn D - Giám đốc Công ty làm đại diện đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2013/HĐ-XD. Với các nội dung chính:

- Nội dung công việc: Bên A giao cho bên B thi công một số hạng mục công trình (đường nối Nguyễn Hữu C đến đường Nguyễn Văn C từ km 0 + 00 đến km 0 + 530 gồm: Hệ thống thoát nước dọc cống hộp 1,5 x 2m từ đường Nguyễn Hữu C đến km 0 + 330; Toàn tộ cống ngang ống buy d = 60 cm và các hố thu, hố thăm, hố ga; Đắp đất k95(lề đường); Đắp đất k98; Hoàn thiện mặt đường nhựa 3 lớp dày 4,5 cm bao gồm lu tăng cường k98, làm móng lớp đá dăm 4x6 dày 15 cm, lớp đá dăm trên dày 12 cm.

- Đơn giá và giá trị, khối lượng công việc hợp đồng tạm tính: Hợp đồng là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Đơn giá hợp đồng theo dự toán (sau khi trích lại cho bên A 18% chi phí quản lý và 3,25% chi phí giảm giá dự thầu). Khối lượng và giá trị tạm tính cho bên B là: 5.527.102.835 đồng (chi tiết khối lượng, đơn giá từng công việc có bảng kê trong hợp đồng). Khối lượng, đơn giá trên đây là tạm tính. Khối lượng thanh toán căn cứ khối lượng thi công các giai đoạn được hai bên và chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu thanh toán. Sau khi hoàn thành công trình căn cứ vào dự toán điều chỉnh được các cấp có thẩm quyền phê duyệt với chủ đầu tư và hồ sơ nghiệm thu hoàn thành của bên A với chủ đầu tư. Bên B căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu hoàn thành của bên A để thanh toán giá trị cuối cùng với bên A và trích lại cho bên A 18% chi phí quản lý.

- Phương thức thanh toán: Sau khi được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu và chuyển tiền thanh toán thì ngay lập tức bên A sẽ thanh toán về tài khoản của bên B tối thiểu 75% giá trị nghiệm thu thực hiện. Cứ như thế phần còn lại của các lần nghiệm thu, bên A sẽ thanh toán hết cho bên B sau khi bên B đã nghiệm thu xong với bên A, thời gian mà bên A chuyển tiền cho bên B không chậm hơn 10 ngày kể từ khi hai bên ký hồ sơ nghiệm thu. Bên A không chuyển tiền thanh toán hết cho bên B thì bên B có quyền tạm ngừng thi công đến khi bên A thanh toán đủ tiền. Trong thời gian không quá 60 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng nếu bên A thanh toán chậm cho bên b thì phải trả lãi cho bên B lãi suất 3.000 đ trên 01 ngày trên 1.000.000 đồng với số tiền chậm thanh toán....

Quá trình tực hiện hợp đồng giá trị được Bên A xác định với bên B chia làm 3 đợt: Đợt 1: Xác định khối lượng tương ứng giá trị khoảng : 1.500.000.000 đồng.

Đợt 2: Xác định khối lượng tương ứng giá trị khoảng : 1.500.000.000 đồng.

Đợt 3: Xác định khối lượng tương ứng giá trị khoảng : 2.000.000.000 đồng.

Bên B đã hoàn thành khối lượng tương ứng 5 tỷ đồng được bên A xác định. Nhưng bên A chuyển tiền theo hướng nhỏ gọt chia thành 9 lần chuyển cho bên B là 2.100.000.000 đồng, trích trừ 18% chi phí quản lý cho bên A là 932.314.000 đồng, còn thiếu 2.147.209.000 đồng. Bên A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chuyển tiền không tương xứng với khối lượng bên B đã hoàn thành (bằng 42 % còn thiếu 32%) và chuyển tiền nhỏ giọt gây khó khăn cho bên B. Căn cứ nội dung cam kết trong Điều 3 hợp đồng bên B (Công ty H) đã tạm ngừng thi công để đợi bên B (Công ty

N) chuyển đủ 75% số tiền theo khối lượng đã thực hiện. Phía bên A cũng không chuyển tiền và cũng không mời bên B về để tính toán khối lượng bên B đã thực hiện để thanh lý hợp đồng mà bên A đã tự ý đơn phương gọi đối tác khác về thi công một số hạng mục công trình còn lại. Công ty TNHH N đã vi phạm hợp đồng xây dựng số 01/2013 ngày 10/6/2013 đã ký kết giữa hai Công ty. Sau đó bên B đã có hàng trăm lần điện thoại trao đổi, đề nghị bên A cân đối khối lượng để thanh toán và thanh lý hợp đồng nhưng bên A không chịu thực hiện cân đối khối lượng để thanh toán cho bên B và thanh lý hợp đồng.

Ngày 04/9/2017 Công ty TNHH XDTH H phải đơn phương lập Bảng tổng hợp kinh phí công trình đường nối Nguyễn Hữu C đến đường Nguyễn Văn C (đoạn hợp đồng với Công ty N) với tổng giá trị thực hiện 5.179.523.620 đồng; trích trừ 18% chi phí quản lý cho bên A là 932.314.252 đồng bên A phải thanh toán là 4.427.209.368 đồng. Tiền bên A đã chuyển trả cho bên B là 2.100.000.000 đồng còn thiếu 2.147.209.368 đồng. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N phải trả 2.147.209.000 đồng, đồng thời Công ty N phải trả tiền lãi kể từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/8/2017 (theo mức lãi suất Ngân hàng cho vay từng thời kỳ đối với số tiền chậm thanh toán) là 703.581.069 đồng; tổng cộng 2.850.790.069 đồng.

Quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa, ngày 20/01/2018 Công ty H đã cùng Công ty N đối chiếu khối lượng và giá trị thanh toán H đã thi công; nhận thấy việc áp dụng đơn giá thanh toán, định mức của Công ty H không đúng với quy định của UBND tỉnh Quảng Bình tại thời điểm thực hiện dự án. Hai bên đã thống nhất xác nhận khối lượng Công ty TNHH H thi công thực tế tại hiện trường là 3.707.335.000 đồng. Các khoản phải giảm trừ và đã thanh toán là 2.796.979.300 đồng (bao gồm tiền vật liệu Băng cách nước 23.059.000 đồng, tiền điện 6.500.000 đồng, trích trừ 18% chi phí quản lý cho bên A là 667.320.300 đồng; số tiền bên A đã thanh toán 2.100.000.000 đồng). Số tiền Công ty N còn nợ Công ty H là 910.355.700 đồng. Ngày 20/01/2018 nguyên đơn Công TNHH H rút một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu để nghị Tòa án buộc Công ty TNHH N phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 910.355.700 đồng tiền nợ và bồi thường thiệt hại do chậm thanh lý hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty H số tiền 331.424.000 đồng do Công ty H phải vay vốn Ngân hàng để thực hiện hợp đồng (theo mức lãi suất Ngân hàng cho vay từng thời kỳ từ ngày 01/02/2014 đến 22/10/2014 là 0,791%/tháng, 23/10/2014 đến 24/02/2015 là 0,75%/tháng, từ ngày 25/02/2015 đến 31/12/2015 là 0,75%/tháng, từ 01/01/2016 đến 31/12/2017 là 0,708%/tháng); tổng cộng 1.241.779.700 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, không yêu cầu Công ty TNHH N phải trả số tiền 331.424.000 đồng tiền lãi kể từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/12/2017, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH N phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 910.355.700 đồng.

* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N trình bày:

Năm 2013, Công ty N trúng thầu thi công tuyến đường nối đường Nguyễn Hữu C - đường Nguyễn Văn C thành phố Đ, do tiến độ gấp nên Công ty N có hợp đồng với Công ty TNHH H thi công một phần công việc trong gói thầu. Cụ thể được thể hiện trong Hợp đồng số 01/2013/HĐ-XD ngày 10/6/2013. Quá trình Công ty H thi công, Công ty N đã thực hiện thanh toán theo khối lượng đã được nghiệm thu, giá trị thanh toán tính đến lần cuối cùng là 2.100.000.000 đồng. Mặc dù vậy giá trị thanh toán giai đoạn chưa đáp ứng theo thỏa thuận với Công ty H nên Công ty H đã ngừng thi công, không thi công các hạng mục tiếp theo nên Công ty N buộc phải thi công để kịp tiến độ bàn giao công trình cho chủ đầu tư nhưng không ảnh hưởng đến giá trị khối lượng của hai bên. Nguyên nhân thanh toán chậm cho Công ty H là do Ngân hàng bảo lãnh tạm ứng cho Công ty N vay vốn để thi công công trình này, nên khi có khối lượng nghiệm thu thanh toán về tài khoản Ngân hàng tự thu nợ; rồi tiếp đến Công ty có nợ xấu với Ngân hàng nên bị Ngân hàng phong tỏa tài khoản không cho vay lại, nợ chồng lên nợ thuộc nợ xấu nhóm 5, toàn hệ thống Ngân hàng đều cấm vận, vì vậy Công ty không thể vay được vốn nên càng khó cho việc thanh toán công nợ với Công ty H. Nguyên nhân khác dẫn đến hai bên không chốt được giá trị khối lượng, công nợ để thanh lý hợp đồng là do Công ty N không có tiền chi trả tiền lương cán bộ làm tại Công ty, trong đó có cán bộ phụ trách quản lý hồ sơ công trình này nghỉ việc.

Sau khi H khởi kiện, ngày 20/01/2018, Công ty N đã cùng Công ty H đối chiếu khối lượng và giá trị thanh toán H đã thi công; về khối lượng hai bên thống nhất nhưng đơn giá thanh toán, định mức của Công ty H áp dụng để tính không đúng với quy định của UBND tỉnh tại thời điểm thực hiện dự án. Hai bên đã thống nhất xác nhận khối lượng Công ty TNHH H thi công thực tế tại hiện trường là 3.707.335.000 đồng. Các khoản phải giảm trừ và đã thanh toán là 2.796.979.300 đồng (bao gồm tiền vật liệu Băng cách nước 23.059.000 đồng, tiền điện 6.500.000 đồng, trích trừ 18% chi phí quản lý cho bên A là 667.320.300 đồng; số tiền bên A đã thanh toán 2.100.000.000 đồng). Số tiền còn nợ 910.355.700 đồng. Công ty N chấp nhận có nghĩa vụ thanh toán cho công ty H. Hiện nay khả năng trả nợ của Công ty N chưa có, xin được trả nợ theo lộ trình tháng 6/2018 đến cuối năm 2018 trả ½ số nợ, trong nửa năm 2019 sẽ trả hết nợ cho H. Công ty N không chấp nhận trả tiền lãi như H đã tính bởi vì theo quy định của Hợp đồng thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng bên A chậm thanh toán cho bên B thì mới phải chịu lãi, bên Công ty H căn cứ khối lượng theo hợp đồng, chưa tính toán khối lượng thi công thực tế để cho rằng bên Công ty N chuyển không đủ tiền để dừng việc thi công, buộc Công ty N phải thi công khối lượng còn lại của công trình để kịp bàn giao, dẫn đến hai bên không thanh lý được hợp đồng; đến ngày 20/01/2018 hai bên mới chính thức đối chiếu thanh lý hợp đồng. Công ty N chỉ chịu lãi suất do chậm thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng" tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về Hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 10/6/2013, Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N (bên A giao thầu) và Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H (bên B nhận thầu) đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2013/HĐ-XD.

Hợp đồng được ký kết giữa hai chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội... tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự 2005, Luật xây dựng 2003 và Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ, hai bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo giao kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên A không chuyển trả tiền theo đúng thỏa thuận thanh toán 75% giá trị nghiệm thu giai đoạn, bên B tạm ngừng thi công để bên A chuyển đủ tiền, hai bên không có sự bàn bạc thương lượng với nhau; để kịp tiến độ bàn giao công trình cho chủ dự án bên A phải tự thi công các hạng mục còn lại theo hợp đồng. Tuy nhiên, các bên không có tranh chấp về vi phạm hợp đồng nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu, rút một phần yêu cầu đòi nợ đối với bị đơn số tiền giá trị khối lượng thanh toán 1.236.873.300 đồng và tiền lãi 372.057.069 đồng, do cán bộ nghiệp vụ của nguyên đơn áp giá và định mức không phù hợp quy định tại thời điểm thi công, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Công ty TNHH N phải trả số tiền 331.424.000 đồng tiền lãi kể từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/12/2017. Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

[2.3] Về khối lượng, giá trị nghiệm thu thanh toán, quá trình giải quyết tại Tòa hai bên thống nhất: Xác nhận khối lượng, Công ty TNHH H thi công thực tế giá trị là 3.707.335.000 đồng. Các khoản phải giảm trừ và đã thanh toán là 2.796.979.300 đồng (bao gồm tiền vật liệu Băng cách nước 23.059.000 đồng, tiền điện 6.500.000 đồng, trích trừ 18% chi phí quản lý cho bên A là 667.320.300 đồng; số tiền bên A đã thanh toán cho bên B là 2.100.000.000 đồng). Số tiền Công ty N còn phải trả nợ cho Công ty H số tiền là 910.355.700 đồng.

Hai bên thỏa thuận Công ty N phải trả cho Công ty H số tiền 910.355.700 đồng. Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H không phải chịu án phí. Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, Điều 147, Điều 244, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 107, 108, 109, 110 Luật Xây dựng 2003; Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 281, 389, 401, 402, 405, 412, 427 Bộ luật Dân sự 2005;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H về yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N phải thanh toán số tiền giá trị khối lượng thanh toán 1.236.873.300 đồng và toàn bộ tiền lãi bồi thường thiệt hại do lỗi chậm thanh lý hợp đồng 703.481.069 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H số tiền 910.355.700 đồng *(chín trăm mười triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm đồng)*.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Về án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại: Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp N phải chịu 39.310.571 đồng.

Trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp H số tiền 44.507.900 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Đồng Hới theo biên lai số AA/2017 0000074 ngày 25/10/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn